

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2- LẦN 6 HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY
HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720201. NGÀNH: DƯỢC

(Kèm theo Quyết định số: 578/QĐ-HĐTS ngày 20 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá)

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨC	NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SỐ	ĐIỂM UT`KV	ĐIỂM UT`CS	TỔNG ĐIỂM UT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIÊN
1	727	CYT	XT	6720201	Nguyễn Thị Út	1	04/02/1997	28	24	Hậu Lộc - Thanh Hóa	2NT	6.3	6.6	5.9	18.8	1.0		1.00	19.80
2	728	CYT	XT	6720201	Trần Văn Mạnh	0	20/07/1998	28	14	Cẩm Thủy - Thanh Hóa	1	6.8	6.8	6.5	20.1	1.5		1.50	21.60
3	729	CYT	XT	6720201	Nguyễn Thị Thuỳ	1	21/06/2003	28	13	Thạch Thành - Thanh Hóa	1	5.9	7.3	6.9	20.1	1.5		1.50	21.60
4	730	CYT	XT	6720201	Lê Thị Mai Trang	1	02/04/2003	28	15	Thọ Xuân - Thanh Hóa	2NT	6.8	6.7	7.4	20.9	1.0		1.00	21.90
5	731	CYT	XT	6720201	Trần Thị Minh Nguyệt	1	08/06/2003	28	01	Thành Phố Thanh Hóa	2	6.8	6.5	6.6	19.9	0.5		0.50	20.40
6	732	CYT	XT	6720201	Mai Thị Lan	1	26/10/2002	28	15	Thọ Xuân - Thanh Hóa	2NT	7.7	8.5	8.1	24.3	1.0		1.00	25.30
7	733	CYT	XT	6720201	Phạm Thuỳ Linh	1	01/07/2003	28	23	Nga Sơn - Thanh Hóa	2NT	7.6	8.3	7.1	23	1.0		1.00	24.00
8	734	CYT	XT	6720201	Nguyễn Thị Nhung	1	20/03/2001	28	03	Sầm Sơn - Thanh Hoá	2	7.4	7.2	7.2	21.8	0.5		0.50	22.30
9	735	CYT	XT	6720201	Lê Thị Hiền	1	30/12/2003	28	25	Quảng Xương - Thanh Hóa	2NT	9.2	8.7	9.0	26.9	1.0		1.00	27.90
10	736	CYT	XT	6720201	Nguyễn Bảo Anh	0	24/08/2003	28	22	Hoàng Hóa - Thanh Hóa	2NT	7.6	8.5	8.0	24.1	1.0		1.00	25.10
11	737	CYT	XT	6720201	Nguyễn Thuý Hằng	1	03/07/2003	28	07	Bá Thước - Thanh Hoá	1	6.2	6.9	6.6	19.7	0.0		0.00	19.70
12	738	CYT	XT	6720201	Trần Thị Thơm	1	21/10/2003	28	17	Thiệu Hóa - Thanh Hóa	2NT	5.7	7.2	7.8	20.7	1.0		1.00	21.70
13	739	CYT	XT	6720201	Lê Thuỳ Trang	1	26/01/2003	28	19	Nông Cống - Thanh Hoá	2NT	6.9	7.3	7.9	22.1	1.0		1.00	23.10
14	740	CYT	XT	6720201	Đặng Nhung Nguyệt	1	16/02/2002	28	15	Thọ Xuân - Thanh Hóa	2NT	6.3	7.5	6.3	20.1	1.0		1.00	21.10
15	741	CYT	XT	6720201	Bùi Thị Tuyết Mai	1	01/12/2002	28	24	Hậu Lộc - Thanh Hóa	2NT	7.9	8.0	8.4	24.3	1.0		1.00	25.30
16	742	CYT	XT	6720201	Trần Thị Tuyết	1	03/04/2003	28	18	Triệu Sơn - Thanh Hóa	2NT	5.0	7.6	7.0	19.6	1.0		1.00	20.60
17	743	CYT	XT	6720201	Vũ Xuân Dũng	0	16/08/2003	28	16	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	2NT	8.1	8.9	9.0	26.0	1.0		1.00	27.00
18	744	CYT	XT	6720201	Nguyễn Thị Mai Anh	1	11/02/2003	28	15	Thọ Xuân - Thanh Hóa	2NT	6.8	6.8	7.6	21.2	1.0		1.00	22.20
19	745	CYT	XT	6720201	Thạch Thu Hằng	1	03/11/2000	28	25	Quảng Xương - Thanh Hóa	2NT	9.3	9.0	8.9	27.2	1.0		1.00	28.20
20	746	CYT	XT	6720201	Ngô Thị Ngọc Ánh	1	03/10/2003	28	17	Thiệu Hóa - Thanh Hóa	2NT	6.4	6.9	7.6	20.9	1.0		1.00	21.90
21	747	CYT	XT	6720201	Tô Thị Hà	1	25/02/2003	28	18	Triệu Sơn - Thanh Hóa	2NT	7.6	7.7	7.9	23.2	1.0		1.00	24.20
22	748	CYT	XT	6720201	Đinh Thị Huê	1	12/06/2003	28	03	Sầm Sơn - Thanh Hoá	2	9.1	6.9	7.1	23.1	0.5		0.50	23.60
23	749	CYT	XT	6720201	Lê Văn Quốc Đạt	1	26/09/2003	28	15	Thọ Xuân - Thanh Hóa	2NT	7.6	8.1	8.4	24.1	1.0		1.00	25.10
24	750	CYT	XT	6720201	Đỗ Thị Trang	1	15/12/2003	28	17	Thành Phố - Thanh Hóa	2NT	7.7	7.7	8.5	23.9	1.0		1.00	24.90
25	751	CYT	XT	6720201	Nguyễn Khánh Ly	1	25/09/2001	28	03	Sầm Sơn - Thanh Hoá	2	6.7	8.0	7.6	22.3	0.5		0.50	22.80
26	752	CYT	XT	6720201	Nguyễn Thị Mai Hương	1	24/08/2003	28	13	Thạch Thành - Thanh Hóa	1	5.5	7.1	7.0	19.6	1.5		1.50	21.10
27	753	CYT	XT	6720201	Nguyễn Thị Mỹ Anh	1	23/12/2002	28	22	Hoàng Hóa - Thanh Hóa	2	7.8	8.4	8.3	24.5	0.5		0.50	25.00

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 27 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720301. NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨC	NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SÔ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỂM ƯTCS	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIÊN
1	306	CYT	XT	6720301	Lê Thị Xuân	1	06/06/2003	28	20	Đông Sơn - Thanh Hoá	2NT	6.8	8.2	8.3	23.3	1.0		1.0	24.30
2	307	CYT	XT	6720301	Cầm Thị Duyên	1	07/10/2003	28	08	Thường Xuân - Thanh Hóa	1	7.8	8.8	7.9	24.5	1.5		1.5	26.00
3	308	CYT	XT	6720301	Nguyễn Văn Định	0	18/02/1990	28	25	Quảng Xương - Thanh Hóa	2NT	4.1	5.3	4.6	14	1.0		1.0	15.00
4	309	CYT	XT	6720301	Lê Thị Thảo My	1	18/09/2002	28	18	Triệu Sơn - Thanh Hoá	2NT	6.3	7.3	7.9	21.5	1.0		1.0	22.50
5	310	CYT	XT	6720301	Lê Khánh Hồng	1	26/10/2003	28	10	Như Thanh - Thanh Hoá	1	7.0	7.1	7.7	21.8	1.5		1.5	23.30
6	311	CYT	XT	6720301	Trần Thị Ngọc	1	11/08/2003	28	17	Thiệu Hóa - Thanh Hóa	2NT	8.2	6.7	7.7	22.6	1.0		1.0	23.60
7	312	CYT	XT	6720301	Lê Thị Mai	1	07/02/2003	28	26	Nghi Sơn - Thanh Hoá	2	5.9	7.0	6.4	19.3	0.5		0.5	19.80
8	313	CYT	XT	6720301	Cao Sĩ Việt	0	10/12/2002	28	03	Sầm Sơn - Thanh Hoá	2	6.3	7.1	8.2	21.6	0.5		0.5	22.10
9	314	CYT	XT	6720301	Cao Thị Hiền	1	03/10/2003	28	17	Thiệu Hóa - Thanh Hóa	2NT	8.4	6.3	7.6	22.3	1.0		1.0	23.30
10	315	CYT	XT	6720301	Bùi Thị Huyền Trang	1	26/10/2003	28	13	Thạch Thành - Thanh Hóa	1	6.4	6.5	6.3	19.2	1.5		1.5	20.7
11	316	CYT	XT	6720301	Nguyễn Thị Nguyệt	1	25/06/2003	28	13	Thạch Thành - Thanh Hóa	1	6.1	7.2	6.6	19.9	1.5		1.5	21.4
12	317	CYT	XT	6720301	Nguyễn Thị Thảo	1	24/03/2003	28	26	Nghi Sơn - Thanh Hoá	2	5.6	6.3	6.9	18.8	0.5		0.5	19.3
13	318	CYT	XT	6720301	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1	03/06/2003	28	22	Hoàng Hóa - Thanh Hóa	2NT	7.1	7.9	7.4	22.4	1		1	23.4
14	319	CYT	XT	6720301	Hoàng Quỳnh Chi	1	05/09/2003	28	07	Bá Thước - Thanh Hóa	1	7.1	6.2	6.5	19.8	1.5		1.5	21.3
15	320	CYT	XT	6720301	Lê Khánh Châm	1	06/05/2003	28	22	Hoàng Hóa - Thanh Hóa	2NT	7.2	8.2	7.5	22.9	1		1	23.9
16	321	CYT	XT	6720301	Nguyễn Văn Quyền	0	24/07/2002	28	01	Thành Phố - Thanh Hóa	2	5.4	6.8	7.1	19.3	0.5		0.5	19.8
17	322	CYT	XT	6720301	Đỗ Phương Anh	1	15/03/2003	28	20	Đông Sơn - Thanh Hoá	2NT	6.8	7.9	8.9	23.6	1		1	24.6
18	323	CYT	XT	6720301	Hoàng Ngọc Huy	0	04/07/2003	28	01	Thành Phố - Thanh Hóa	2	7.2	7.4	7.6	22.2	0.5		0.5	22.7
19	324	CYT	XT	6720301	Hoàng Văn Lương	0	26/02/2003	28	18	Triệu Sơn - Thanh Hoá	2NT	6.5	6.0	5.5	18	1		1	19
20	325	CYT	XT	6720301	Viên Đình Anh	0	10/12/2003	28	03	Sầm Sơn - Thanh Hoá	2	6.1	6.9	6.7	19.7	0.5		0.5	20.2
21	326	CYT	XT	6720301	Nguyễn Thị Vân Anh	1	13/08/2003	28	25	Quảng Xương - Thanh Hóa	2NT	8.6	8.0	7.9	24.5	1		1	25.5
22	327	CYT	XT	6720301	Nguyễn Vũ Thắng	0	04/04/1999	28	13	Thạch Thành - Thanh Hóa	1	6.7	7.1	6.9	20.7	1.5		1.5	22.2
23	328	CYT	XT	6720301	Bùi Xuân Thanh	0	19/01/1991	28	01	Thành Phố - Thanh Hóa	2	4.7	6.0	6.6	17.3	0.5		0.5	17.8
24	329	CYT	XT	6720301	Vũ Thị Hạnh	1	25/08/2002	28	16	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	2NT	6.7	7.5	8.1	22.3	1		1	23.3
25	330	CYT	XT	6720301	Đình Thị Thu Hà	1	19/11/2003	28	05	Quan Hóa - Thanh Hóa	1	6.4	6.9	6.6	19.9	1.5		1.5	21.4

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 25 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720303. NGÀNH: HỘ SINH

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨ C	NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SÔ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỂM ƯTCS	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIÊN
1	1308	CYT	XT	6720303	Lê Thị Thanh Huyền	1	01/10/2003	28	18	Triệu Sơn - Thanh Hóa	2NT	6.4	8.0	8.2	22.6	1.00		1.00	23.6

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 01 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720601. NGÀNH: KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨ C	NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆ N	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SÔ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỀ M ƯTC S	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIỀN
1	1434	CYT	XT	6720601	Lê Bá Thành Vinh	0	15/06/2000	28	01	Thành Phố - Thanh Hóa	2	7.8	8.7	8.2	24.70	0.5		0.5	25.20
2	1435	CYT	XT	6720601	Lê Hồng Hà	1	26/02/2003	28	22	Hoàng Hóa - Thanh Hóa	2NT	7.7	8.6	9.2	25.50	1.0		1.0	26.50

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 02 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720401. NGÀNH: DINH DƯỠNG

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨ C	TÊN NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SÔ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỀ M ƯT CS	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIỀN
1	1505	CYT	XT	6720401	Lê Thị Khánh Huyền	0	01/06/2003	28	01	Thành Phố - Thanh Hoá	2NT	7.2	6.7	6.9	20.80	1.0		1.0	21.8
2	1506	CYT	XT	6720401	Trương Thị Như	0	15/06/2003	28	17	Thịệu Hóa - Thanh Hóa	2NT	6.4	7.7	7.9	22.00	1.0		1.0	23.0

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 02 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720604. NGÀNH: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨ C	TÊN NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SÔ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỀ M ƯT CS	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIỀN
1	1505	CYT	XT	6720401	Lê Thị Khánh Huyền	0	01/06/2003	28	01	Thành Phố - Thanh Hoá	2NT	7.2	6.7	6.9	20.80	1.0		1.0	21.8
2	1506	CYT	XT	6720401	Trương Thị Như	0	15/06/2003	28	17	Thịệu Hóa - Thanh Hóa	2NT	6.4	7.7	7.9	22.00	1.0		1.0	23.0

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 02 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720604. NGÀNH: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨ C	TÊN NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SÔ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỀ M ƯT CS	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIỀN
1	1618	CYT	XT	6720604	Trần Lê Thái	1	27/07/2003	28	26	Nghi Sơn - Thanh Hoá	2	6.4	7.5	7.8	21.7	0.5		0.5	22.20

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 01 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720602. NGÀNH: KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨ C	NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SỐ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỀ M ƯTC S	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIÊN
1	1245	CYT	XT	6720602	Nguyễn Thị Thanh Mai	1	20/11/2003	28	15	Thọ Xuân - Thanh Hoá	2NT	7	7.5	7.3	21.80	1.0		1.0	22.8
2	1246	CYT	XT	6720602	Cầm Bá Trường	0	01/11/2003	28	08	Thường Xuân - Thanh Hoá	1	5.8	7.4	7	20.20	1.5		1.5	21.7
3	1247	CYT	XT	6720602	Hà Trọng Phương	0	26/03/1993	28	15	Thọ Xuân - Thanh Hoá	2NT	5.4	6.8	7	19.20	1.0		1.0	20.2
4	1248	CYT	XT	6720602	Nguyễn Thị Kim Liên	1	08/08/2003	28	02	Bím Sơn - Thanh Hóa	2	6.8	7.9	7.7	22.40	0.5		0.5	22.9

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 04 thí sinh

HÌNH THỨC: XÉT ĐIỂM HỌC BẠ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. MÃ NGÀNH: 6720605. NGÀNH: KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG

TT	MHS	TR`G	HÌNH THỨ C	NGÀNH	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	TỈNH	HUYỆN	Hộ khẩu	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐIỂM TRÒN SỐ	ĐIỂM ƯTKV	ĐIỀ M ƯTC S	TỔNG ĐIỂM ƯT	TỔNG ĐIỂM ĐÃ CỘNG ƯU TIÊN
1	1038	CYT	XT	6720605	Mùa A Mông	0	13/09/2003	28	04	Quan Hoá - Thanh Hoá	1	7.3	6.5	6.9	20.70	1.5		1.5	22.20
2	1039	CYT	XT	6720605	Sùng A Lạ	0	11/01/2002	28	06	Mường Lát - Thanh Hoá	1	7.0	7.4	7.0	21.40	1.5		1.5	22.90
3	1040	CYT	XT	6720605	Nguyễn Thị Vân	1	06/06/2001	28	10	Như Thanh - Thanh Hoá	1	7.1	6.9	6.4	20.40	1.5		1.5	21.90
4	1041	CYT	XT	6720605	Hoàng Khánh Linh	1	25/07/1989	28	01	Thành Phố - Thanh Hóa	2	7.4	8	8.1	23.50	0.5		0.5	24.00

Ấn định danh sách thí sinh gồm có 04 thí sinh

